

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 118/2025/DS-PT

Ngày: 02/4/2025

V/v: “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Yên.

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Thanh Nữ.

Bà Đỗ Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ánh Nhi – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử Phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 229/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 2, xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Đình P, sinh năm 1990 (theo giấy ủy quyền ngày 06/5/2024).

Địa chỉ: 68/8/13 Trần Thị C2, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 4, Ấp 1, xã C1, huyện Long Thành, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Huy H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: đường 25B, khu hành chính huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp C1, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp C1, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng P1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T3, xã V, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Khắc P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp C1, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Nguyễn Thị Khắc C3, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp C1, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp C1, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 13/27, Khu 13, hẻm 13, xã Đ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

7. Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4.

Địa chỉ: Số 497, đường Lê Duẩn, khu Cầu X, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

8. Ủy ban nhân dân xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Ông M, ông C, ông H có mặt, bà P1, Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 có đơn xin vắng mặt; UBND xã C1 vắng mặt, ông H1, ông T2, bà C3, bà L, ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:*

Cha của ông là ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1939 và mẹ là Nguyễn Thị H3, sinh năm 1937 sinh được 8 người con tên Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Hồng P1, Nguyễn Khắc P, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Khắc C. Ngoài ra, ông M, bà H3 không còn có con nuôi, con riêng nào khác. Cha ông được Nhà nước cấp cho quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/8/1997, đất tọa lạc tại xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 07/5/2015 bà Nguyễn Thị H3 chết và ngày 17/01/2016, ông Nguyễn Văn B1 chết. Trước lúc chết, ông B1 có để lại di chúc cho anh em, được UBND xã C1 ký xác nhận ngày 07/6/2014.

Vào ngày 07/12/2021, Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 đến nhà của ông lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế liên quan đến thửa đất số 73, tờ bản đồ số 4; thửa 1007, 941 tờ bản đồ số 01 xã C1, đã được cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/8/1997. Do các ông bà không hiểu biết pháp luật, đến nay mới biết ông B1 để lại di chúc có hiệu lực. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 đã chứng thực ngày 17/12/2021 với lý do đã có di chúc của ông B1.

Khi còn sống, ông Nguyễn Văn B1 rất tinh táo, minh mẫn. Ngày 07/6/2014, ông đưa ông B1 ra UBND xã C1 để gặp cán bộ tư pháp xã và Chủ tịch xã C1 là ông Dương Đình B2 (hiện nay ông B2 đã nghỉ việc và đi nước ngoài) để làm di chúc. Nội dung di chúc ngày 07/6/2014 là nguyện vọng của ông B1 trước khi chết. Chính ông B1 ký tên, viết họ tên và lấn tay trước mặt cán bộ xã. Vì vậy, ông C khởi kiện nói rằng chữ viết, chữ ký và dấu lấn tay trong di chúc ngày 07/6/2014 không phải của ông B1 là không đúng.

Khi còn sống, ông C không có H1 với bố mẹ nên hai bên không nhìn mặt nhau, ông C về bên phía gia đình vợ sinh sống. Khi ông B1 đi tới UBND xã C1 lập di chúc thì tất cả anh chị em trong nhà đều biết, chỉ riêng ông C là không biết do hai bên không nhìn mặt nhau nhưng ông B1 vẫn để lại di chúc cho ông C. Sau này, các anh chị em trong gia đình đều đã nhận được phần tài sản đúng như trong di chúc đã phân chia.

Còn 01 mảnh đất thừa 73, 941, 942, 1007, 1147, 1148, 1149 tại tờ bản đồ số 01, 04 xã C1 với tổng diện tích còn lại là 6.125m² đã được UBND huyện Long Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/8/1997, ông B1 để lại di chúc lại cho ông Nguyễn Ngọc M nên việc ông giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn đúng. Ông M không đồng ý hủy di chúc của ông Nguyễn Văn B1, được UBND xã C1 ký xác nhận ngày 07/6/2014 và giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C.

- Tại các bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Lê Huy H trình bày:

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khắc C, về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế, ông thống nhất với nội dung mà ông Nguyễn Ngọc M trình bày trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa.

Ngày 28/7/2021, ông Nguyễn Ngọc M đã yêu cầu Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 thông báo niêm yết phân chia di sản thừa kế, đã qua 15 ngày không nhận được khiếu nại hoặc tố cáo về Văn bản phân chia di sản thừa kế.

Ngày 07/12/2021, Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 đã công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 06261 quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD, theo đó hàng thừa kế thứ nhất là các con của ông Nguyễn Văn B1

và bà Nguyễn Thị H3 đã đồng ý nhận di sản thừa kế diện tích 6.125m² thuộc thửa số 73 và thửa 1007, 941 cùng tờ bản đồ số 01 xã C1, đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần cho ông Nguyễn Khắc C. Đồng thời, ông C đồng ý nhận toàn bộ phần thừa kế mà các anh chị em thuộc hàng thừa kế thứ nhất tặng cho ông C.

Tại thời điểm ký tên, ghi rõ họ tên và điểm chỉ vào các văn bản kể trên thì các chủ thể hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, sáng suốt, tự định đoạt, không ai bị ép buộc và không ai bị cưỡng bức, đặc biệt ông Nguyễn Ngọc M là người yêu cầu Văn phòng công chứng công chứng các văn bản kể trên và yêu cầu các anh chị em trong gia đình thực hiện theo nội dung thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Hiện nay, ông Nguyễn Khắc C đang quản lý và sử dụng diện tích 6.125m² thuộc thửa 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 01 xã C1.

Ông Nguyễn Ngọc M lấy di chúc làm lý do yêu cầu hủy văn bản công chứng là không có cơ sở để chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật ở chỗ: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không làm mất đi giá trị nội dung của di chúc, là do ông Nguyễn Ngọc M đồng ý nhận di sản thừa kế và đồng ý tặng cho di sản thừa kế cho ông Nguyễn Khắc C. Việc định đoạt tài sản này là do ông M tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc và thực hiện theo yêu cầu và theo ý chí của ông M.

Mặt khác, di chúc ông M cung cấp cho Tòa án là di chúc không hợp pháp ở chỗ ông Nguyễn Văn B1 là người không biết chữ, theo quy định của pháp luật thì ông B1 phải mời hai người làm chứng. Tại thời điểm lập di chúc, ông Nguyễn Văn B1 đã trên 70 tuổi, theo quy định của pháp luật thì phải có giấy khám sức khỏe thể hiện ông Nguyễn Văn B1 đủ tỉnh táo, minh mẫn mới được lập di chúc. Hơn nữa, đây là di chúc có điều kiện, đó là ông M phải chăm sóc, phụng dưỡng ông B1 và bà Nguyễn Thị H3 đến khi chết và lo tang lễ khi ông B1, bà H3 chết và thờ cúng tổ tiên, nhưng ông M không thực hiện điều kiện theo di chúc. Chăm sóc, phụng dưỡng ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị H3 là do ông C thực hiện. Ông C bỏ tiền ra lo tang lễ cho ông B1 và bà H3, hiện nay ông C đang thờ cúng tổ tiên. Do ông M không thực hiện điều kiện theo di chúc nên nội dung di chúc không có giá trị thi hành. Tài sản là tài sản chung của vợ chồng, được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, như vậy ông Nguyễn Văn B1 định đoạt luôn 50% tài sản của bà Nguyễn Thị H3 (trong khi đó bà H3 đang còn sống) là định đoạt không phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc M không đưa ra được chứng cứ nào thể hiện các văn bản do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng như đã kể trên là vô hiệu nên yêu cầu khởi kiện của ông M là không có căn cứ để chấp nhận. Nay, với tư cách là người đại diện theo ủy quyền, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M với lý do Văn bản thỏa thuận phân chia di sản

thừa kế đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng pháp luật do được công chứng hợp pháp nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Đồng thời, yêu cầu Tòa án hủy di chúc được UBND xã C1 chứng thực số 83, quyền số 1/2014 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 07/6/2014 với lý do di chúc trái pháp luật do chữ ký Bộ và chữ viết Nguyễn Văn B1 và dấu vân tay không phải là của ông Nguyễn Văn B1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ ông Nguyễn Ngọc H1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Hồng P1, ông Nguyễn Khắc P, bà Nguyễn Thị Khắc C3, bà Nguyễn Thị Ngọc L cùng thống nhất trình bày:

Cha của ông bà tên Nguyễn Văn B1, sinh năm 1939 chết năm 2016; mẹ Nguyễn Thị H3, sinh năm 1937, chết năm 2015. Cha mẹ sinh được tổng cộng 08 anh chị em gồm: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1953; Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1956; Nguyễn Thị Khắc C3, sinh năm 1969; Nguyễn Khắc C, sinh năm 1966; Nguyễn Khắc P, sinh năm 1973; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1975; Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1977; Nguyễn Thị Hồng P1, sinh năm 1980. Ngoài ra, ông B1, bà H3 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Ông B1, bà H3 có tạo dựng diện tích đất 25.565m², đã được UBND huyện Long Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833 ngày 26/8/1997. Khi còn sống, ông Nguyễn Văn B1 đã lập bản Di chúc ngày 07/6/2014 và được UBND xã C1 chứng thực phân chia 25.565m² cho các con nội dung sau:

1/ Cho con trai Nguyễn Ngọc H1 diện tích đất 350m² tờ bản đồ số 4 LUA, ONT 30m² cất thửa 73 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh H1 để lại cho con là Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1983 đứng tên.

Phần diện tích đất này ông H1 đã nhận.

2/ Cho con trai Nguyễn Văn T2 diện tích 5.240m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần diện tích đất này ông T2 đã nhận.

3/ Cho con Nguyễn Thị Hồng P1 diện tích 2.250m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần diện tích đất này bà P1 đã nhận.

4/ Cho con trai Nguyễn Khắc P diện tích 4.500m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần diện tích đất này ông P đã nhận.

5/ Cho con trai Nguyễn Ngọc M diện tích 4.500m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần diện tích đất này ông M đã nhận.

6/ Cho con Nguyễn Thị Khắc C3 diện tích 300m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần diện tích đất này bà C3 đã nhận.

7/ Cho con Nguyễn Thị Ngọc L diện tích 2.300m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần diện tích đất này bà L đã nhận.

8/ Con trai Nguyễn Khắc C không nhận đất nên được cho tiền mặt là 50.000.000đ.

Số tiền này ông C đã nhận.

Sau khi cho các con diện tích đất nêu trên, ông B1 còn 01 mảnh đất thửa 73, 941, 942, 1007, 1147, 1148, 1149 tại tờ bản đồ số 01, 04 xã C1 với tổng diện tích còn lại là 6.125m². Ông B1 để lại di chúc cho ông Nguyễn Ngọc M toàn bộ diện tích đất này, ông M có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ đến khi chết và có trách nhiệm lo việc tang lễ, thờ cúng tổ tiên sau này.

Khi cha mẹ còn sống, ông M đã chăm sóc, phụng dưỡng và khi cha mẹ chết, ông M đã lo tang lễ đầy đủ.

Sau này, Nhà nước có chủ trương thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Sân bay Long Thành nên toàn bộ diện tích đất của cha mẹ để lại đã bị thu hồi. Khi bị thu hồi, diện tích đất 6.125m² vẫn đứng tên ông Nguyễn Văn B1, ngoài tiền đền bù theo quy định thì ông B1 được cấp 01 suất tái định cư nhưng chưa biết lô chính hay lô phụ. Vào tháng 7/2021, anh em trong gia đình đã họp lại và thống nhất cho ông Nguyễn Khắc C lô đất tái định cư, còn toàn bộ số tiền đền bù thì giao lại cho ông M theo như di chúc cha mẹ để lại, ông C không lấy đất nên ông M sẽ thanh toán lại bằng tiền. Vì vậy, ngày 07/11/2021, anh em đã lập Bản cam kết thỏa thuận nội dung: *Sau khi nhận hộ chính hoặc phụ thì phải sang tên cho Nguyễn Ngọc M, ông M có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 3 tỷ 4 trăm nếu là lô chính hoặc 1 tỷ 2 trăm triệu nếu là lô phụ; toàn bộ số tiền bồi thường của nhà nước chi trả cho miếng đất của ông Nguyễn Văn B1 sẽ phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc M.*

Do Bản cam kết này bên phía con của ông C là Nguyễn L1 làm nên anh em không đọc kỹ, phần nội dung trả số tiền 3 tỷ 4 trăm triệu hoặc 1 tỷ 2 trăm triệu lại ghi thành trả cho ông Nguyễn L1. Ngoài các nội dung trên thì còn 01 nội dung nữa có thống nhất nhưng không thấy ghi trong bản cam kết là ông M tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 600.000.000đ. Lý do: Trước đây, bà L có mua của ông B1 diện tích đất ngang 4m, dài 50m, vì là cha con nên hai bên không làm hợp đồng và cũng không tách thửa. Bà L đã quản lý, làm hàng rào. Nhà nước thu hồi đất thì phần diện tích của bà L được bồi thường

200.000.000đ, bà L hiện đang bị bệnh, anh em thống nhất vận động ông M cho bà L thêm số tiền 400.000.000đ và ông M cũng đồng ý.

Ngày 07/12/2021, ông Nguyễn L1 là con trai của ông Nguyễn Khắc C đã hẹn tất cả các anh chị em có mặt tại nhà của ông M để ký các thủ tục liên quan đến việc hưởng di sản thừa kế theo di chúc. Tất cả các anh chị em đều có mặt, ngoài ra thì có ông Nguyễn L1 và 02 người trẻ tuổi khác, ông H3. Họ yêu cầu ông bà ký tên, điểm chỉ vào văn bản do họ đưa ra. Sau khi ký, điểm chỉ xong, ông bà yêu cầu họ đọc lại văn bản thì ông Nguyễn L1 chỉ đọc phần nội dung liên quan đến việc ông M trả cho bà L số tiền 600.000.000đ mà không đọc nội dung khác, còn 02 người đi cùng thì vội vã đi về.

Sau này, ông bà mới biết đã ký tên, điểm chỉ vào Văn bản phân chia di sản thừa kế, trong đó tất cả mọi người đều thống nhất tặng cho toàn bộ kỹ phần thừa kế mà ông bà được hưởng từ ông B1, bà H3 cho ông Nguyễn Khắc C. Ông bà thấy văn bản phân chia di sản thừa kế không đúng với ý chí của anh em trong gia đình.

Nay, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế được công chứng số 06261, quyển số 03/2021 của Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 ngày 17/12/2021 để thực hiện theo di chúc của ông B1 trước khi chết thì ông bà đồng ý.

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C. Lý do: khi lập di chúc ngày 07/6/2014, ông Nguyễn Văn B1 rất tỉnh táo, minh mẫn. Ngày 07/6/2014, ông B1 ra UBND xã C1 để gặp cán bộ tư pháp xã và Chủ tịch xã C1 là ông Dương Đình B2 (hiện nay ông B2 đã nghỉ việc và đi nước ngoài) để làm di chúc. Sau khi ông bà xem kỹ lại bản di chúc ngày 07/6/2014, ông bà xác định chữ viết, chữ ký và dấu lấn tay đúng là của ông Nguyễn Văn B1. Ông C khởi kiện nói rằng chữ viết, chữ ký và dấu lấn tay trong di chúc ngày 07/6/2014 không phải của ông B1 là không đúng.

Khi còn sống, ông C không có H1 với bố mẹ nên hai bên không nhìn mặt nhau, ông C về bên phía gia đình vợ sinh sống. Khi ông B1 đi tới UBND xã C1 lập di chúc thì tất cả anh chị em trong nhà đều biết, chỉ riêng ông C là không biết do hai bên không nhìn mặt nhau nhưng ông B1 vẫn để lại di chúc cho ông C. Các anh chị em trong gia đình đều đã nhận được phần tài sản đúng như trong di chúc đã phân chia, không ai có ý kiến gì. Nay, ông C mới khởi kiện, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C. Diện tích đất còn lại ông B1 để cho ông M nên ông M giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng.

Tại văn bản số 41/UBND ngày 05/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã C1 trình bày:

Về trình tự thủ tục lập di chúc của ông Nguyễn Văn B1: Theo hồ sơ tại UBND xã C1 có lưu giữ bản chính bản di chúc do ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1939, chứng minh nhân dân số 27028584 có chứng thực của UBND xã C1 ngày 07/6/2014, tại thời điểm lập di chúc vợ ông Nguyễn Văn B1 là bà Nguyễn Thị H3 bị bệnh tâm thần, không minh mẫn, ông Nguyễn Văn B1 lập di chúc một mình, không có bản công nhận giám hộ cho bà Nguyễn Thị H3.

Khi thực hiện thủ tục chứng thực di chúc, ông Nguyễn Văn H4 là cán bộ Tư pháp – Hộ tịch xác nhận bản di chúc được lập ông Nguyễn Văn B1 hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không có bị đe dọa, không có bị cưỡng ép. Bản di chúc được lập tại UBND xã C1. Ông Nguyễn Văn B1 ký trước mặt ông Nguyễn Văn H4 là cán bộ Tư pháp – Hộ tịch có mặt ông Dương Đình B2 tại thời điểm năm 2014 là Chủ tịch UBND xã C1.

Chữ ký, chữ viết ông Nguyễn Văn B1 và dấu lấn tay Nguyễn Văn B1 trong phần “Người lập di chúc” đúng là của ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1939. Ông H4 xác nhận ông B1 đã ký tên, lấn tay, điểm chỉ trước mặt ông H4 là cán bộ Tư pháp và trước mặt ông Dương Đình B2 là Chủ tịch UBND xã C1 là người có thẩm quyền chứng thực di chúc.

Khi ông Nguyễn Văn B1 lập di chúc không có người làm chứng. Tại thời điểm lập di chúc, ông B1 minh mẫn, đọc được, nghe được, hiểu được không bắt buộc phải có người làm chứng.

Bản di chúc của ông Nguyễn Văn B1 đã được lập tại UBND xã C1, được lưu giữ đầy đủ và được người có thẩm quyền chứng thực di chúc theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về chữ ký, điểm chỉ, nguyện vọng của người lập di chúc, sự minh mẫn của người lập di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 trình bày:

Theo hồ sơ lưu trữ thì những người lập văn bản gồm ông bà Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Hồng P1, Nguyễn Khắc P, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Khắc C để phân chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị H3 để lại là quyền sử dụng đất thửa 73, tờ bản đồ số 04; thửa 1007, 941 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Qua quá trình rà soát, kiểm tra hồ sơ do những người lập văn bản cung cấp và văn bản dự thảo do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, Công chứng viên xét thấy hồ sơ cung cấp những người lập văn bản đầy đủ và nhân thân đúng với chứng minh nhân dân và các giấy tờ liên quan do người yêu cầu công chứng xuất trình.

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định 29/2015/NĐ-CP việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản phải được niêm yết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết. Việc niêm yết được thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú cuối cùng của người để lại di sản và tại UBND cấp xã nơi có bất động sản. Nên Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 đã thực hiện việc niêm yết tại trụ sở UBND xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Sau thời hạn 15 ngày niêm yết Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 không nhận được khiếu nại, tố cáo về việc bỏ sót, giấu giếm người được hưởng di sản thừa kế tại trụ sở UBND xã C1. Do đó Công chứng viên Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 tiến hành soạn thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo đề nghị của người yêu cầu công chứng. Người lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã đọc lại, đồng ý nội dung và ký, điểm chỉ vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trước sự có mặt công chứng viên văn phòng.

Như vậy, quy trình và thủ tục công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 chứng nhận ngày 07/12/2021 là đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 41 Luật công chứng năm 2014.

* Tại bản án sơ thẩm số: 110/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M đối với ông Nguyễn Khắc C.

Tuyên bố văn bản công chứng là “Văn bản phân chia di sản thừa kế” đối với di sản là quyền sử dụng đất diện tích 6.125m², thuộc thửa 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/12/2021 là vô hiệu.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Khắc C đối với ông Nguyễn Ngọc M về việc:

- Tuyên hủy Di chúc ngày 07/6/2014 do ông Nguyễn Văn B1 lập ngày 07/6/2014, được UBND xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai chứng thực số 83, quyền số 1/2014 TP/CC-SCT/HĐGD.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc M giao lại cho ông Cbản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/8/1997.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông M tự nguyện nộp chi phí tố tụng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí DSST: Ông C phải nộp 600.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009155 ngày 10/3/2023 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông C còn phải nộp 300.000đ.

Hoàn trả cho ông M 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006523 ngày 17/11/2022 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

* Ngày 29/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Khắc C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của nguyên đơn.

* Ngày 13/10/2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố “Văn bản phân chia di sản thừa kế” được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/12/2021 đối với diện tích 6.125m², thuộc thửa đất số 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là công chứng đúng trình tự thủ tục và có hiệu lực pháp luật.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp Phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét bản di chúc (BL350) thể hiện ông Nguyễn Văn B1, vợ là Nguyễn Thị H3 do bà H3 bị bệnh tâm thần, không thể đi lại được nên ông B1 lập di chúc có nội dung chính: ông có diện tích đất 25.565m², vào ngày 28/1/2006 ông đã cho các con.... Sau khi cho các con diện tích đất nêu trên, ông B1 còn 01 mảnh đất thửa 73, 941, 942, 1007, 1147, 1148, 1149 tại tờ bản đồ số 01, 04 xã C1 với tổng diện tích còn lại là 6.125m² đã được cấp GCNQSDĐ ngày 26/8/1997. Ông B1 để lại cho ông Nguyễn Ngọc M toàn bộ diện tích đất này, ông M có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ đến khi chết và có trách nhiệm lo việc tang lễ, thờ cúng tổ tiên sau này. Bản di chúc được UBND xã C1 chứng thực ngày 07/6/2014. Ông B1 nộp kèm là phiếu khám sức khỏe tâm thần của bà Nguyễn Thị H3.

Tại biên bản lấy lời khai (BL342) ông Nguyễn Văn H4 cho biết: Ông B1 có mang theo 01 tờ giấy viết nội dung thể hiện ý nguyện của ông B1 đối với diện tích đất do ông B1 đứng tên ở xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Do là giấy viết

tay nên ông H4 là người trực tiếp tiếp nhận hồ sơ của ông B1 đánh máy lại nội dung di chúc của ông B1. Sau khi đánh máy, ông B1 trực tiếp đọc lại nội dung và ký tên, điểm chỉ vào Di chúc trước mặt ông H4 và đồng chí Chủ tịch. Tại thời điểm lập di chúc, ông B1 sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn tỉnh táo, không có biểu hiện bệnh tật hoặc bị ai ép buộc. Ông H4 cũng đã hỏi lại và được ông B1 xác nhận nội dung bản Di chúc do ông B1 lập là hoàn toàn tự nguyện. Theo lời khai của các anh em trong gia đình thì khi ông B1, bà H3 bị bệnh ông M là người chăm sóc và lo hậu sự cho ông bà.

Tại phiên tòa Phúc thẩm bị đơn yêu cầu giám định định lại đối với chữ viết, dấu vân tay của ông Nguyễn Văn B1. Ngày 21/1/2025, Phân viện khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh đã ban hành kết luận số 6761, kết luận như sau:

1. Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn B1, chữ viết họ tên Nguyễn Văn B1 dưới mục “Người lập di chúc”; chữ viết họ tên Nguyễn Văn B1 dưới mục "Chứng thực" (bên phải chữ “Ông/bà”, “Ông”) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn B1 ("Ng Văn Bộ") dùng làm mẫu so sánh dưới mục “Đại diện bên chuyển nhượng QSDĐ” trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M7 là không phải do cùng một người ký, viết ra.

2. Hai dấu vân tay dưới mục “Người lập di chúc” ghi họ, tên Nguyễn Văn B1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của ông Nguyễn Văn B1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M8 đến M10 là dấu vân tay của cùng một người.

Như vậy việc ông B1 tự nguyện để lại di chúc, có lằn tay điểm chỉ là phù hợp với lời khai của các đương sự, người làm chứng. Về hình thức, nội dung di chúc đều đảm bảo theo quy định của pháp luật do đó bị đơn ông Cyêu cầu hủy di chúc là không có căn cứ.

Xét văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (BL46) có nội dung chính: các ông bà Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Hồng P1, Nguyễn Khắc P, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Khắc Cthỏa thuận: đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần mà ông bà được hưởng từ ông B1, bà H3 cho ông Nguyễn Khắc C và ông C đồng ý nhận. Phía dưới có đầy đủ chữ ký của các ông bà có tên trên. Văn bản được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng ngày 07/12/2021.

Về trình tự thủ tục công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:

Theo ông M thì ngày 07/12/2021, người của Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 đã về nhà của ông tại xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, lúc đó chỉ có 02 người của văn phòng công chứng nhưng không giới thiệu tên. Điều này cũng được những người tham gia là ông bà Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Khắc C,

Nguyễn Khắc P, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Hồng P1 thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã lấy lời khai của ông Nguyễn Văn H3 là người làm chứng cũng có mặt tại thời điểm công chứng. Ông H3 cho biết: ông biết Công chứng viên Nguyễn Văn T4, ông xác định thời điểm ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại nhà của ông Nguyễn Ngọc M thì ông T4 không tham gia.

Tại biên bản đối chất ngày 22/2/2023 ông L1 là con của ông Ckhai: do đông người và sợ to tiếng do đó gia đình đã nhờ Văn phòng CC Nguyễn Văn T4 ký dịch vụ ký tại nhà. Ngày 07/12/2021, văn phòng soạn thảo trước văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và cử 2 người thuộc văn phòng công chứng đến nhà ông M để thực hiện thủ tục công chứng.

Theo các quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật công chứng quy định: Việc công chứng phải được thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và theo quy định tại Luật công chứng thì Công chứng viên là người kiểm tra các giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng và trực tiếp thủ tục công chứng. Người yêu cầu công chứng, người làm chứng... phải ký vào giao dịch trước mặt công chứng viên. Như vậy trình tự thủ tục công chứng bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã vi phạm quy định pháp luật.

Về nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế: Theo ông M thì sau khi nhà đất bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, ông và các anh em trong gia đình bàn bạc thống nhất cho ông Nguyễn Khắc Clô đất tái định cư, còn toàn bộ số tiền đền bù thì giao lại cho ông M theo như di chúc cha mẹ để lại, ông Ckhông lấy đất nên ông M sẽ thanh toán lại bằng tiền. Vì vậy, ngày 07/12/2021, anh em trong gia đình mới lập Văn bản phân chia di sản thừa kế.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông M đã cung cấp cho Tòa án 01 Bản cam kết thỏa thuận nội dung: *Sau khi nhận hộ chính hoặc phụ thì phải sang tên cho Nguyễn Ngọc M, ông M có trách nhiệm trả cho ông Csố tiền 3 tỷ 4 trăm nếu là lô chính hoặc 1 tỷ 2 trăm triệu nếu là lô phụ; toàn bộ số tiền bồi thường của nhà nước chi trả cho miếng đất của ông Nguyễn Văn B1 sẽ phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc M.*

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông bà Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Khắc P, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Hồng P1 thừa nhận việc ông M trình bày là đúng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2023, ông Trang Thái Lai, ông Trần Văn H3 là những người làm chứng, được ông M nhờ thực hiện các thủ tục công chứng cũng xác định: *Trước khi công chứng thì ông nghe anh em trong gia đình ông M thống nhất số tiền bồi thường ông M được hưởng, còn ông Cđược hưởng suất tái*

định cư, ông M có trách nhiệm giao tiền tương ứng với suất tái định cư cho ông C. Tại buổi công chứng ngày 07/12/2021 tại nhà ông M, mọi người bàn bạc và thống nhất như thế nhưng không ghi được vào trong văn bản công chứng được.

Ngoài ra, theo bà L thì trong diện tích đất 6.125m², thuộc thửa 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1, bà Nguyễn Thị Ngọc L đã mua của ông B1 diện tích đất ngang 4m, dài 50m, vì là cha con nên hai bên không làm hợp đồng và cũng không tách thửa. Nhà nước thu hồi đất thì phần diện tích của bà L được bồi thường 200.000.000đ, bà hiện đang bị bệnh nên anh em thống nhất vận động ông M cho bà L thêm số tiền 400.000.000đ và ông M cũng đồng ý. Ngày 07/12/2021, khi thực hiện thủ tục công chứng Văn bản phân chia di sản thừa kế, ông M đã phải trả cho bà L 600.000.000đ tiền mặt thì bà L mới đồng ý ký tên, điểm chỉ. Điều này đều được ông M, ông H1, ông T2, bà P1, ông P, ông M, bà C3 và người làm chứng là ông H3 thừa nhận. Nếu như ông M và các anh chị em tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Khắc C thì người có nghĩa vụ trả cho bà L 600.000.000đ phải là ông C chứ không phải ông M. Từ đó cho thấy ông M và các anh chị em đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế do ông B1, bà H3 chết để lại cho ông Nguyễn Khắc C để ông C được hưởng suất tái định cư, còn số tiền bồi thường, hỗ trợ sẽ trả lại cho ông M là đúng sự thật. Tuy nhiên, Văn bản phân chia thừa kế không đúng ý chí của mọi người nên anh em trong gia đình phát sinh mâu thuẫn.

Như vậy, Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021, được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 lập không đúng trình tự, thủ tục, địa điểm quy định tại Luật công chứng năm 2014; nội dung Văn bản phân chia di sản thừa kế không đúng với ý chí chủ quan của những người tham gia. Vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021, được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng vô hiệu là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề xuất không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T4 làm trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục Phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc C: Cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ những chứng cứ và chưa xem xét đánh giá chứng cứ

khách quan theo đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, đề nghị sửa bản án sơ thẩm bản án sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của nguyên đơn.

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Văn B1 là chủ sử dụng diện tích đất 25.565m² thuộc thửa số 73 tờ bản đồ số 4 và thửa 941, 942, 1007, 1147, 1148, 1149 tờ bản đồ số 01 xã C1, đã được UBND huyện Long Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00027/QSDĐ ngày 26/8/1997.

Ngày 01/11/2005, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng 5.240m² gồm các thửa 73b tờ bản đồ 04 và thửa 1007c, 942 tờ bản đồ 01 xã C1 cho bà Nguyễn Thị Bích Phụng, được UBND xã C1 chứng nhận với lý do chia cho cháu. Bà Phụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 878220, AĐ 878219, AĐ 878218 ngày 27/4/2006.

Ngày 01/11/2005, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng 2.550m² gồm các thửa 73a tờ bản đồ 04 và thửa 1007d tờ bản đồ 01 xã C1 cho bà Nguyễn Thị Hồng P1, được UBND xã C1 chứng nhận với lý do chia cho con. Bà P1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 878214, AĐ 878213 ngày 27/4/2006.

Ngày 01/11/2005, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng 4.500m² gồm các thửa 73d tờ bản đồ 04 và thửa 1148d, 1147a, 1007a tờ bản đồ 01 xã C1 cho ông Nguyễn Ngọc M, được UBND xã C1 chứng nhận với lý do chia cho con. Ông M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 878222, AĐ 878221, AĐ 878221, AĐ 878223 ngày 27/4/2006.

Ngày 01/11/2005, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng 300m² gồm các thửa 73e tờ bản đồ 04 xã C1 cho bà Nguyễn Thị Khắc C3, được UBND xã C1 chứng nhận với lý do cha mẹ cho con. Bà C3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 878225 ngày 27/4/2006.

Ngày 01/11/2005, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng 4.500m² gồm các thửa 73g tờ bản đồ 04 và thửa 1148 (diện tích còn lại), 1149 (nguyên thửa), 1007b tờ bản đồ 01 xã C1 cho ông Nguyễn Khắc P, được UBND xã C1 chứng nhận với lý do chia cho con. Ông P đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 878228, AĐ 878229, AĐ 878226, AĐ 878227 ngày 27/4/2006.

Ngày 01/11/2005, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng 350m² gồm thửa 73c tờ bản đồ 04 xã C1 cho bà Nguyễn Ngọc G, được UBND xã C1 chứng nhận với lý do chia cho cháu. Bà G đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 838506 ngày 08/6/2006.

Ngày 01/11/2005, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng 2.300m² gồm các thửa 73f tờ bản đồ 04 và thửa 1147 (diện tích còn lại), 1007c tờ bản đồ 01 xã C1 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L, được UBND xã C1 chứng nhận với lý do chia cho con. Bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 878217, AĐ 878216, AĐ 878215 ngày 27/4/2006.

Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với lý do cho con, cháu, diện tích đất còn lại trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn B1 là 6.125m², thuộc thửa 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1939 chết năm 2016 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1937, chết năm 2015 có tổng cộng 08 người con tên: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1953; Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1956; Nguyễn Thị Khắc C3, sinh năm 1969; Nguyễn Khắc C, sinh năm 1966; Nguyễn Khắc P, sinh năm 1973; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1975; Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1977; Nguyễn Thị Hồng P1, sinh năm 1980. Ngoài ra, ông B1, bà H3 không có con riêng, con nuôi nào khác. Di sản do ông B1 để lại là diện tích đất 6.125m² thuộc thửa số 73 tờ bản đồ số 4 và thửa 1007, 941 cùng tờ bản đồ số 01 xã C1. Theo Thông báo số 2900/TB-UBND ngày 28/12/2018 và 2488/TB-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện Long Thành thì toàn bộ diện tích đất 6.125m² thuộc thửa số 73 tờ bản đồ số 4 và thửa 1007, 941 cùng tờ bản đồ số 01 xã C1 bị thu hồi để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Ngày 07/12/2021, ông bà Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Khắc P, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Hồng P1 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần được hưởng từ ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 cho ông Nguyễn Khắc C và ông C đồng ý nhận. Văn bản phân chia di sản thừa kế đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng cùng ngày số số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD.

- Về trình tự, thủ tục công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:

Theo ông M thì ngày 07/12/2021, người của Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 đã về nhà của ông tại xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, lúc đó chỉ có 02 người của văn phòng công chứng nhưng không giới thiệu tên. Điều này cũng được những người tham gia là ông bà Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Khắc P, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Hồng P1 thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã lấy lời khai của ông Nguyễn Văn H3 là người làm chứng cũng có mặt tại thời điểm công chứng. Ông H3 cho biết ông biết Công chứng viên Nguyễn Văn T4, ông xác định thời điểm ký

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại nhà của ông Nguyễn Ngọc M thì ông T4 không tham gia.

Theo quy định tại Điều 40, 41 Luật công chứng năm 2014 thì Công chứng viên là người kiểm tra các giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng và trực tiếp thủ tục công chứng.

Tại khoản 1 Điều 44 Luật công chứng quy định: Việc công chứng phải được thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Như vậy theo quy định của Luật công chứng thì công chứng viên phải thực hiện các thủ tục công chứng tại trụ sở hành nghề công chứng.

Tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021 thì ghi địa điểm công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4, số 497, đường Lê Duẩn, khu Cầu X, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và công chứng viên thực hiện là ông Nguyễn Văn T4. Tuy nhiên, theo lời trình bày của các đương sự thì việc công chứng được thực hiện tại nhà của ông Nguyễn Ngọc M thuộc xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Qua các tài liệu chứng cứ và các đương sự trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ căn cứ xác định thời điểm ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021, người thực hiện các thủ tục công chứng không phải công chứng viên Nguyễn Văn T4. Vì vậy, trình tự, thủ tục công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021 không được thực hiện đúng quy định của Luật công chứng.

- Về nội dung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021:

Theo ông Nguyễn Ngọc M, ông là người được ông Nguyễn Văn B1 để lại toàn bộ quyền sử dụng đất 6.125m², thuộc thửa 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1 theo di chúc. Sau khi nhà đất bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, ông và các anh em trong gia đình bàn bạc thống nhất cho ông Nguyễn Khắc Clô đất tái định cư, còn toàn bộ số tiền đền bù thì giao lại cho ông M theo như di chúc cha mẹ để lại, ông C không lấy đất nên ông M sẽ thanh toán lại bằng tiền. Vì vậy, ngày 07/12/2021, anh em trong gia đình mới lập Văn bản phân chia di sản thừa kế.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông M đã cung cấp cho Tòa án 01 Bản cam kết thỏa thuận nội dung: *Sau khi nhận hộ chính hoặc phụ thì phải sang tên cho Nguyễn Ngọc M, ông M có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 3 tỷ 4 trăm nếu là lô chính hoặc 1 tỷ 2 trăm triệu nếu là lô phụ; toàn bộ số tiền bồi thường của nhà nước chi trả cho miếng đất của ông Nguyễn Văn B1 sẽ phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc M.*

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông bà Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Khắc P, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Hồng P1 thừa nhận việc ông M trình bày là đúng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2023, ông Trang Thái Lai, ông Trần Văn H3 là những người làm chứng, được ông M nhờ thực hiện các thủ tục công chứng cũng xác định: *Trước khi công chứng thì ông nghe anh em trong gia đình ông M thống nhất số tiền bồi thường ông M được hưởng, còn ông C được hưởng suất tái định cư, ông M có trách nhiệm giao tiền tương ứng với suất tái định cư cho ông C. Tại buổi công chứng ngày 07/12/2021 tại nhà ông M, mọi người bàn bạc và thống nhất như thế nhưng không ghi được vào trong văn bản công chứng được.*

Ngoài ra, theo bà L thì trong diện tích đất 6.125m², thuộc thửa 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1, bà Nguyễn Thị Ngọc L đã mua của ông B1 diện tích đất ngang 4m, dài 50m, vì là cha con nên hai bên không làm hợp đồng và cũng không tách thửa. Nhà nước thu hồi đất thì phần diện tích của bà L được bồi thường 200.000.000đ, bà hiện đang bị bệnh nên anh em thống nhất vận động ông M cho bà L thêm số tiền 400.000.000đ và ông M cũng đồng ý. Ngày 07/12/2021, khi thực hiện thủ tục công chứng Văn bản phân chia di sản thừa kế, ông M đã phải trả cho bà L 600.000.000đ tiền mặt thì bà L mới đồng ý ký tên, điểm chỉ. Điều này đều được ông M, ông H1, ông T2, bà P1, ông P, ông M, bà C3 và người làm chứng là ông H3 thừa nhận.

Như vậy, việc ông M phải trả cho bà L 600.000.000đ để bà L ký tên vào Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021 là đúng sự thật. Trường hợp hàng thừa kế thứ nhất của ông B1, bà H3 đều đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Khắc C thì người có nghĩa vụ trả cho bà L 600.000.000đ phải là ông C chứ không phải ông M.

Từ những phân tích nêu trên chứng tỏ, ông bà Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Khắc C3, Nguyễn Khắc P, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Hồng P1 đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế do ông B1, bà H3 chết để lại cho ông Nguyễn Khắc C để ông C được hưởng suất tái định cư, số tiền còn bồi thường, hỗ trợ sẽ trả lại cho ông M là đúng sự thật. Tuy nhiên, Văn bản phân chia thừa kế không đúng ý chí của mọi người nên anh em trong gia đình phát sinh mâu thuẫn.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, nhận thấy: Văn bản công chứng là Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021, được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 lập không đúng trình tự, thủ tục, địa điểm quy định tại Luật công chứng năm 2014; nội dung Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021 không đúng với ý chí chủ quan của những người tham gia. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, tuyên bố văn bản công chứng là Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021, được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD đối với di sản là quyền sử dụng đất diện tích 6.125m², thuộc thửa 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là vô hiệu là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu khởi kiện phân tổ của bị đơn:

Ngày 07/6/2014, ông Nguyễn Văn B1 lập di chúc phân chia tài sản thuộc quyền sử dụng của mình là diện tích đất 25.565m² thuộc thửa số 73 tờ bản đồ số 4 và thửa 941, 942, 1007, 1147, 1148, 1149 tờ bản đồ số 01 xã C1, đã được UBND huyện Long Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00027/QSĐĐ ngày 26/8/1997. Theo nội dung di chúc thể hiện ông B1 phân chia như sau:

“1/ Cho con trai Nguyễn Ngọc H1 diện tích đất 350m² tờ bản đồ số 4. LUA, ONT 30m² cắt thửa 73 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh H1 để lại cho con là Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1983 là con ông Nguyễn Ngọc H1 đứng tên.

2/ Cho con trai Nguyễn Văn T2 diện tích 5.240m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh T2 đã cho cháu nội Nguyễn Thị Bích Phụng sinh năm 1984 là con anh T2 đứng tên đất.

3/ Con Nguyễn Thị Hồng P1 sinh năm 1980 diện tích 2.250m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4/ Con trai Nguyễn Khắc P sinh năm 19783 diện tích 4.500m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5/ Con trai Nguyễn Ngọc M sinh năm 1977 diện tích 4.500m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6/ Con Nguyễn Thị Khắc C3 sinh năm 1969 diện tích 300m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7/ Con Nguyễn Thị Ngọc L sinh năm 1974 diện tích 2.300m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8/ Con trai Nguyễn Khắc C sinh năm 1966 không nhận đất đã được tôi cho tiền mặt là 50.000.000đ”.

Sau khi đã cho các con, cháu, ông B1 để lại diện tích đất còn lại thuộc thửa 73, 941, 942, 1007, 1147, 1148, 1149 tại tờ bản đồ số 01, 04 xã C1 tổng diện tích là 6.125m² cho ông Nguyễn Ngọc M. Ông M có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cho hai vợ chồng ông B1 cho đến khi chết và có trách nhiệm lo việc tang lễ, thờ cúng tổ tiên sau này.

Di chúc đã được UBND xã C1 chứng thực số 83, quyền số 1/2014 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 07/6/2014.

Ngày 22/02/2023, ông Nguyễn Khắc C có đơn phản tố yêu cầu Tòa án hủy di chúc được UBND xã C1 chứng thực số 83, quyền số 1/2014 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 07/6/2014 với lý do di chúc trái pháp luật do chữ ký Bộ và chữ viết Nguyễn Văn B1 và dấu vân tay không phải là của ông Nguyễn Văn B1; buộc ông Nguyễn Ngọc M giao lại cho ông C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/8/1997.

Về yêu cầu phản tố ông Nguyễn Khắc C, nhận thấy như sau:

- Ngày 07/6/2014, ông Nguyễn Văn B1 đến UBND xã C1 để lập di chúc. Việc lập di chúc được làm bằng văn bản, do ông B1 ký tên, điểm chỉ trước mặt ông Nguyễn Văn H4 là cán bộ Tư pháp – Hộ tịch và ông Dương Đình B2 tại thời điểm năm 2014 là Chủ tịch UBND xã C1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành cũng đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn H4 thì ông H4 cho biết: Ông B1 có mang theo 01 tờ giấy viết nội dung thể hiện ý nguyện của ông B1 đối với diện tích đất do ông B1 đứng tên ở xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Do là giấy viết tay nên ông H4 là người trực tiếp tiếp nhận hồ sơ của ông B1 đánh máy lại nội dung di chúc của ông B1. Sau khi đánh máy, ông B1 trực tiếp đọc lại nội dung và ký tên, điểm chỉ vào Di chúc trước mặt ông H4 và đồng chí Chủ tịch. Tại thời điểm lập di chúc, ông B1 sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn tỉnh táo, không có biểu hiện bệnh tật hoặc bị ai ép buộc. Ông H4 cũng đã hỏi lại và được ông B1 xác nhận nội dung bản Di chúc do ông B1 lập là hoàn toàn tự nguyện.

Việc lập di chúc của ông Nguyễn Văn B1 cũng đã được Ủy ban nhân dân xã C1 lưu trữ đúng theo quy định.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì các diện tích đất do ông B1 đề cập trong Di chúc ngày 07/6/2014 đã được Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị H3 thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/11/2005, được UBND xã C1 chứng thực. Bà Nguyễn Ngọc G, bà Nguyễn Thị Bích Phụng, bà Nguyễn Thị Hồng P1, ông Nguyễn Khắc P, ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Khắc C3, bà Nguyễn Thị Ngọc L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này chứng tỏ di chúc ngày 07/6/2014 đã phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của ông Nguyễn Văn B1.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã đề nghị Công an tỉnh Đồng Nai, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – CN Long Thành cho mượn các tài liệu liên quan đến chữ viết, chữ ký, dấu lặn tay của ông Nguyễn Văn B1 để tiến hành giám định. Tại Kết luận giám định số 1534/KL-KTHS ngày 31/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: *“Không đủ cơ sở kết luận chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Văn B1 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Văn B1 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2, từ M4 đến M12) có phải do cùng một người ký, viết ra hay không; Các điểm chỉ vân tay mang tên Nguyễn Văn B1 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) mờ nhòe, không đủ yếu tố giám định”*.

Tại cấp Phúc thẩm bị đơn có yêu cầu giám định lại. Tại Kết luận giám định số 6761/KL-KTHS ngày 21/01/2025 của Viện khoa học hình sự, Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

1. Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn B1, chữ viết họ tên Nguyễn Văn B1 dưới mục “Người lập di chúc”; chữ viết họ tên Nguyễn Văn B1 dưới mục “chứng thực” (bên phải chữ “Ông/bà, “Ông”) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn B1 (“Ng Văn B1”) dùng làm mẫu so sánh dưới mục “Đại diện bên chuyển nhượng QSDĐ” trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M7 là không phải do cùng một người ký, viết ra.

2. Hai dấu vân tay dưới mục “Người lập di chúc”; ghi họ tên Nguyễn Văn B1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với so với dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của ông Nguyễn Văn B1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M8 đến M10 là dấu vân tay của cùng một người.

Về chữ viết và chữ ký giám định không phải do cùng một người ký, viết ra. Nhưng dấu vân tay điểm chỉ giám định kết luận là của ông B1; Tại hồ sơ Ủy ban nhân dân xã C1 lưu giữ, căn cứ vào lời trình bày của những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai thì có đủ căn cứ xác định ông B1 có ký, điểm chỉ trong bản Di chúc ngày 07/6/2014 đúng là của ông Nguyễn Văn B1.

Như vậy, việc ông Nguyễn Văn B1 lập di chúc ngày 07/6/2014 là hoàn toàn tự nguyện, trong trạng thái tinh thần hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn; di chúc đã phản ánh đúng ý chí chủ quan của ông Nguyễn Văn B1; việc lập di chúc được thực hiện bằng văn bản, có Ủy ban nhân dân xã C1 chứng thực đúng trình tự, quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Ông Nguyễn Khắc C phản tố cho rằng Di chúc ngày 07/6/2014 trái pháp luật do chữ ký Bộ và chữ viết Nguyễn Văn B1 và dấu vân tay không phải là của ông Nguyễn Văn B1 là không có căn cứ nên không chấp nhận. Do chấp nhận yêu cầu của ông M và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C nên cũng không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc M giao lại cho ông C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/8/1997.

Trong vụ án này các đương sự không có tranh chấp về tài sản thừa kế mà chỉ tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng và di chúc vô hiệu cho nên về tài sản không xem xét mà được khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C.

[3] Về kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố “Văn bản phân chia di sản thừa kế” được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/12/2021 đối với diện tích 6.125m²,

thuộc thửa đất số 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là công chứng đúng trình tự thủ tục và có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, qua xem xét các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự như đã nhận định nêu trên thì nhận thấy: Văn bản công chứng phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021, được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 lập không đúng trình tự, thủ tục, địa điểm quy định tại Luật công chứng năm 2014; nội dung Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021 không đúng với ý chí chủ quan của những người tham gia.

Đối với tài sản được phân chia theo “Văn bản công chứng phân chia di sản thừa kế ngày 07/12/2021” đã được ông Nguyễn Văn B1 lập Di chúc ngày 07/6/2014 cho các con hiện đang còn hiệu lực. Nhưng Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/12/2021 đối với diện tích 6.125m², thuộc thửa đất số 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1, huyện Long Thành là không đúng quy định của pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T4, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự Phúc thẩm: Bị đơn ông Cv và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T4 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự Phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc Cv và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T4, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào khoản 11 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 91, 102; Điều 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ vào Điều 646, 647, 648, 650, 652, 653, 658, 667 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 40, 41, 44, 52 Luật Công chứng năm 2014.

- Căn cứ Điều 166, 167, 168 Luật Đất đai năm 2013.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C đối với ông Nguyễn Khắc C.

Tuyên bố văn bản công chứng là “Văn bản phân chia di sản thừa kế” đối với di sản là quyền sử dụng đất diện tích 6.125m², thuộc thửa 73, 1007, 941 tờ bản đồ số 04, 01 xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T4 công chứng số 06261, quyền số 03/2021-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/12/2021 là vô hiệu.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Khắc C đối với ông Nguyễn Ngọc M về việc:

- Tuyên hủy Di chúc ngày 07/6/2014 do ông Nguyễn Văn B1 lập ngày 07/6/2014, được UBND xã C1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai chứng thực số 83, quyền số 1/2014 TP/CC-SCT/HĐGD.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc M giao lại cho ông C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 557833 do UBND huyện Long Thành cấp ngày 26/8/1997.

3/ Về án phí DSST: Ông C phải nộp 600.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009155 ngày 10/3/2023 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông C còn phải nộp 300.000đ.

Hoàn trả cho ông M 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006523 ngày 17/11/2022 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

- Về án phí dân sự Phúc thẩm: Ông Nguyễn Khắc C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự Phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002380 ngày 21/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T4 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự Phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002398 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

- Về chi phí tố tụng: Các đương sự đã tự nguyện nộp xong chi phí tố tụng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên